

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2026/HS- PT**
Ngày: 05/3/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân** và bà **Trần Thị Kim Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 242/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, Phạm Việt H về tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*". Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959, tại tỉnh Tiền Giang; nơi thường trú: B T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 4 H, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Nguyên Tổng giám đốc Tổng Công ty N1; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1939; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Việt H, sinh năm 1960, tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: 0 Đ, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường T, thành phố Hồ Chí Minh);

nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa thành phố H; trình độ học vấn: 10/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân M (đã chết) và bà Chu Thị M1, sinh năm 1940; bị cáo có vợ là Đặng Thị T4, sinh năm 1962 và có 01 con, sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 theo yêu cầu của bị cáo: Ông Nguyễn Hữu Thế T5 - Luật sư Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Phạm Việt H theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng: Luật sư Nguyễn Văn T6 - Công ty L2 và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Đ; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng Công ty N1 hữu hạn một thành viên (gọi tắt là Tổng Công ty N1) là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc UBND thành phố H, được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300636205, thay đổi lần thứ 6 ngày 09/9/2015; Địa chỉ trụ sở chính: số A đường Đ, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/9/2010, UBND thành phố H có Quyết định số 3945/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Tổng Công ty N1 hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Tổng Công ty N1 hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Ngày 04/10/2010, Ủy ban nhân dân thành phố H có Quyết định số 465/QĐ-UBND-TC bổ nhiệm Nguyễn Văn T1, giữ chức Tổng giám đốc Tổng Công ty N1, thời hạn giữ chức vụ là 05 năm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bò sữa Thành phố H (gọi tắt là Công ty Bò sữa thành phố H) là Công ty con do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; Tổng Công ty N1 là chủ sở hữu của Công ty, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 15/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 09/4/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26/7/2023, mã số doanh nghiệp C1, địa chỉ trụ sở tại ấp A, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Bò sữa thành phố H có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài sản riêng và chịu trách nhiệm trong toàn bộ tài sản của mình. Ngày 23/3/2021, Tổng Công ty N1 có Quyết định số 67/TCT

bổ nhiệm Phạm Việt H, giữ chức Giám đốc Công ty Bò sữa thành phố H, thời hạn giữ chức vụ là 05 năm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 31/8/2011, Hội đồng thành viên Tổng Công ty N1 họp và thống nhất chủ trương cho Công ty Bò sữa thành phố H lập dự án trồng 5.000 - 10.000 ha cao su, cây công nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông (đến ngày 06/10/2011 ban hành nghị quyết). Ngày 21/4/2011 và ngày 15/9/2011, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty N1 có Công văn số 285 và 755 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Ủy ban nhân dân tỉnh Đ xin chủ trương cho Tổng Công ty khảo sát lập dự án trồng rừng và cây công nghiệp trên địa bàn huyện E. Ngày 30/9/2011, Văn phòng T8 có Công văn số 430TB/VPTU thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về việc đồng ý chủ trương cho Tổng Công ty N1 khảo sát đất trồng rừng và cây công nghiệp trên địa bàn huyện E. Căn cứ ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy T8, ngày 26/3/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có Công văn số 1498/UBND-NN.MT đồng ý cho Tổng Công ty N1 nghiên cứu, lập dự án trồng rừng và trồng cây công nghiệp trên địa bàn huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 03/10/2011, Tổng Công ty N1 do Nguyễn Văn T1 - Tổng Giám đốc làm đại diện (Bên A) ký Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT với Công ty Cổ phần T9 là Phó Giám đốc làm đại diện (Bên B), nội dung: Bên B làm tư vấn dịch vụ cho Bên A để đầu tư trồng và khai thác cây cao su tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Giá trị hợp đồng: $15.000.000 \text{ đồng/ha} \times 4.000 \text{ ha} = 60.000.000.000 \text{ đồng}$, ứng trước 20% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng được ký kết. Hợp đồng do ông Lê Quang N – Phó Trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty N1 ký nháy ở phần cuối văn bản. Sau khi ký hợp đồng, Nguyễn Văn Trục giao ông Lê Quang N soạn Giấy ủy quyền để ông T1 ký ủy quyền cho Công ty Bò sữa Thành phố H thực hiện hợp đồng, sau khi ông N soạn Giấy ủy quyền, ông T1 đã ký Giấy ủy quyền số 804/GUQ-TCT ngày 03/10/2011 ủy quyền cho Công ty Bò sữa Thành phố H thực hiện toàn bộ Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT. Tổng Công ty N1 gửi Hợp đồng và Giấy ủy quyền cho Công ty Bò sữa Thành phố H để Phạm Việt H – Giám đốc Công ty Bò sữa thành phố H ký vào mục người nhận ủy quyền.

Sau khi ký hợp đồng, Dương Ngọc Đ liên hệ Phạm Việt H trình Giấy đề nghị tạm ứng kinh phí đề ngày 05/9/2011 đề nghị tạm ứng số tiền 12 tỷ đồng. Phạm Việt H giao cho ông Phạm Văn C – Kế toán trưởng của Công ty Bò sữa thành phố H tham mưu nên ông C có ghi đề xuất vào giấy đề nghị tạm ứng đồng ý chi 08 tỷ đồng và được H duyệt đồng ý. Ông C ký vào ủy nhiệm chi ngày 07/10/2011 trình Phạm Việt H ký đóng dấu Công ty vào mục chủ tài khoản và thực hiện chuyển số tiền 08 tỷ đồng từ tài khoản số 23243339 của Công ty tại Ngân hàng A chi nhánh C2 đến tài khoản số 11000100030979 của Công ty Đ1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần D (G) chi nhánh Thành phố H. Do hết thời hạn thực hiện hợp đồng, Công ty Đ1 chưa hoàn thành nội dung theo hợp đồng nên ngày 17/4/2012, Tổng Công

ty do Nguyễn Văn T1 làm đại diện ký phụ lục hợp đồng số 01 với Công ty T9 làm đại diện, trong đó gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 31/10/2012, điều chỉnh tạm ứng đợt 01 thành 13% (tương ứng với 08 tỷ đồng) và đợt 02 thành 7% (tương ứng với 04 tỷ đồng). Sau khi ký phụ lục hợp đồng, Dương Ngọc Đ liên hệ Công ty Bò sữa Thành phố H để trình giấy đề nghị tạm ứng ngày 15/5/2012 đề nghị cho tạm ứng số tiền 04 tỷ đồng. Ông Phạm Văn C ghi đề xuất cho tạm ứng 04 tỷ đồng theo hợp đồng trình Phạm Việt H duyệt phần Giám đốc Công ty và ông Hồ Sỹ T7 – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Bò sữa Thành phố H duyệt phần Chủ tịch Hội đồng thành viên. Sau khi được phê duyệt, ông C ký vào ủy nhiệm chi trình Phạm Việt H ký đóng dấu vào mục chủ tài khoản và thực hiện chi tiền từ tài khoản 060026210162 của Công ty B tại ngân hàng S phòng G1 đến tài khoản số 11000100030979 của Công ty Đ1 tại Ngân hàng G chi nhánh Thành phố H số tiền 04 tỷ đồng.

Ngày 20/8/2013, Công ty Bò Sữa thành phố H có Tờ trình số 384/TTr-CTBS trình thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình đầu tư trồng 2.754ha cây cao su tại xã E và xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng giá trị của dự án là 695.821.119.187 đồng. Hội đồng thành viên Tổng Công ty N1 đã ban hành Nghị quyết số 181/NQ-HĐTV ngày 23/8/2013 về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty Bò Sữa Thành phố H thực hiện dự án và Quyết định phê duyệt số 182/QĐ-HĐTV ngày 26/8/2013. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T9 làm đại diện thực hiện không đúng cam kết về thời hạn nên Tổng Công ty N1 và Công ty Đ1 đã ký các phụ lục hợp đồng số 02/PL-HĐDV ngày 23/5/2013, số 03/PL-HĐDV ngày 20/8/2013, số 04/PL-HĐDV ngày 18/6/2015 nhằm gia hạn thời gian thực hiện. Do quá trình lập, thẩm định dự án bị chậm trễ nên ngày 19/5/2016, UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 3803/UBND-TNMT chấm dứt chủ trương cho Tổng Công ty N1 khảo sát, lập dự án trồng rừng và cây công nghiệp trên địa bàn huyện E.

Đối với Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT ngày 03/10/2011: Do Công ty Đ1 không thực hiện đúng thời hạn và khối lượng cam kết theo hợp đồng nên ngày 14/01/2014, Tổng Công ty N1 và Công ty Đ1 hợp thống nhất thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty Đ1 có văn bản đề nghị được tiếp tục thực hiện hợp đồng nên ngày 25/4/2014, Tổng Công ty N1 có Công văn số 322/TCT-KHĐT do Nguyễn Văn T1 ký đồng ý cho Công ty Đ1 tiếp tục thực hiện hợp đồng và gia hạn đến ngày 31/10/2014. Ngày 28/10/2014, Nguyễn Văn T1 đại diện Tổng Công ty N1 ký Công văn số 730/TCT-KHĐT yêu cầu Công ty Đ1 cung cấp chứng từ tài liệu có liên quan để thực hiện thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, ngày 18/6/2015, Tổng Công ty N1 tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số 04/PL-HĐDV gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2015. Do Công ty Đ1 không thực hiện được nội dung cam kết theo hợp đồng nên Tổng Công ty N1 có Công văn số 139/TCT-

KHĐT ngày 19/02/2016 yêu cầu Công ty Đ1 cung cấp hóa đơn, chứng từ về số tiền tạm ứng 12 tỷ đồng để thanh lý hợp đồng nhưng Công ty Đ1 không cung cấp và không thực hiện được thanh lý hợp đồng, số tiền tạm ứng vẫn không thu hồi được.

Căn cứ Trung cầu giám định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, ngày 16/3/2021, Giám định viên Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H ban hành Bản kết luận giám định xác định:

- Tổng Công ty N1 là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, thực hiện Dự án trồng rừng và cây công nghiệp cho mục tiêu đầu tư và phát triển doanh nghiệp nhưng không áp dụng pháp luật về đấu thầu để lựa chọn nhà thầu là vi phạm quy định vì trường hợp này thuộc phạm vi điều chỉnh và là đối tượng phải áp dụng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11.

- Trước khi ký Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT, Tổng Công ty N1 không thực hiện việc lập trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chuẩn bị đầu tư là vi phạm Điều 6 Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11.

- Hợp đồng giữa Tổng Công ty N1 và Công ty Cổ phần Đ1 là hợp đồng dịch vụ tư vấn với giá trị hợp đồng là 60 tỷ nhưng không tổ chức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu là vi phạm pháp luật về đấu thầu vì trường hợp này phải áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 13, 14 Điều 4 và khoản 1 Điều 18 Luật đấu thầu số 61/2005/QH11.

- Tổng Công ty N1 không trực tiếp thực hiện mà có văn bản ủy quyền cho công ty con là Công ty B Sửa trực tiếp thực hiện và chuyển tiền tạm ứng 12 tỷ đồng là việc ủy quyền thực hiện hợp đồng của Công ty mẹ cho Công ty con, không thuộc phạm vi quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trách nhiệm đối với những sai phạm nêu trên thuộc về những cá nhân, tổ chức quản lý Tổng Công ty N1 theo khoản 7 Điều 1 Điều lệ Tổng Công ty N1

- Việc gây thiệt hại là bao nhiêu trong trường hợp này thuộc quy định về quản lý vốn Nhà nước, không thuộc quy định của pháp luật về đấu thầu do không tổ chức đấu thầu (không có sự so sánh giá dự thầu của các nhà thầu).

Tại Bản kết luận giám định số 05/KLGD ngày 07/11/2023 của Sở Tài chính thành phố H, xác định:

- Việc Tổng Giám đốc Tổng công ty N1 một thành viên ký Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2011 với Công ty CP Đ1 khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng thành viên Tổng công ty N1 một thành viên là chưa đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty N1 một thành

viên được ban hành kèm theo Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

- Qua rà soát Quyết định số 3945/QĐ-CSKT ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Điều lệ Tổng Công ty N1 ban hành kèm theo Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2011 không có quy định việc Tổng Công ty N1 (Công ty M2) ủy quyền Công ty con thực hiện các nội dung công ty mẹ trong hợp đồng dịch vụ do Công ty mẹ ký. Như vậy, việc Tổng Công ty N1 một thành viên ủy quyền cho Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thành phố H thực hiện các nội dung trong Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT ngày 03/10/2011 là không có cơ sở thực hiện. Do đó, việc Công ty TNHH một thành viên B sữa chi tạm ứng cho Công ty cổ phần Đ1 theo giấy ủy quyền ngày 03/10/2011 nêu trên là không có cơ sở thực hiện.

Tại Bản kết luận giám định số 11/PC09 ngày 23/02/2021 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Chữ ký của ông Nguyễn Văn T1 tại Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT ngày 03/10/2011, phụ lục hợp đồng số 02/PL-HĐDV ngày 23/5/2013 và số 03/PL-HĐDV ngày 20/8/2013 là do Nguyễn Văn T1 ký ra.

+ Chữ ký tại mục “Duyệt GD Cty” tại Giấy đề nghị v/v xin tạm ứng kinh phí theo hợp đồng số 205/HĐ-TCT đề ngày 05/9/2011 và đề ngày 15/5/2012 là do Phạm Việt H ký ra.

+ Chữ ký tại mục “KT T CTY” tại Giấy đề nghị v/v xin tạm ứng kinh phí theo hợp đồng số 205/HĐ-TCT đề ngày 05/9/2011 và đề ngày 15/5/2012 là do ông Phạm Văn C ký ra.

+ Chữ ký tại mục “Duyệt chủ tịch HĐTV CTY” tại Giấy đề nghị v/v xin tạm ứng kinh phí theo hợp đồng số 205/HĐ-TCT đề ngày 15/5/2012 là do ông Hồ Sỹ T7 ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 1348/KL-KTHS ngày 08/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận, không đủ cơ sở kết luận chữ ký nháy tại Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT ngày 03/10/2011; tại Phụ lục hợp đồng số 02/PL-HĐDV ngày 23/5/2013 và số 04/PL-HĐDV ngày 18/6/2015 có phải do Lê Quang N ký ra hay không.

Đối với khoản tiền chi tạm ứng 12 tỷ đồng, ngày 03/11/2021 và ngày 05/11/2021, các ông Huỳnh Hữu L, Nguyễn Văn T1, Hồ Sỹ T7, Phạm Việt H và Phạm Văn C đã nộp số tiền 12 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thành phố H để xóa nợ tạm ứng số tiền trên. Ngày 04/12/2023 và 05/12/2023, 05 cá nhân trên nộp số tiền 1.126.098.000 đồng là tiền lãi suất của số tiền 12 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty TNHH MTV Bò sữa Thành phố H.

***Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023,
Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Phạm Việt H phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Việt H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Phạm Việt H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Phạm Việt H giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

- Luật sư Nguyễn Hữu Thế T5 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 cho rằng: Với tính chất của vụ án, nếu xét vai trò của bị cáo Nguyễn Văn T1 cũng tương đồng với bị cáo Phạm Việt H. Vì bị cáo T1 cũng thừa hành nghị quyết của Hội đồng thành viên. Bị cáo là người đại diện theo pháp luật nên phải là người ký vào hợp đồng với Công ty Đ1. Khi ký hợp đồng bị cáo không có tư lợi. Trước khi chuyển công tác về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố H thì bị cáo T1 cũng đã biết được sự việc với Công ty Đ1 nên rút ráo đề nghị thanh lý hợp đồng với Công ty Đ1 hoặc yêu cầu Công ty Đ1 phải ký quỹ 12 tỷ thì mới tiếp tục thực hiện hợp đồng. Xét về thiệt hại, đây chỉ là hợp đồng tư vấn, số tiền 12 tỷ chỉ là tiền tạm ứng. Vì là số tiền tạm ứng nên có thể kiện vụ án về kinh tế. Trước khi khởi tố các bị cáo cùng một số cá nhân khác đã đóng khắc phục toàn bộ số tiền 12 tỷ và số tiền dôi ra gọi là tiền lãi. Số tiền dôi ra này chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Như vậy tính nguy hiểm của các bị cáo không còn. Đề nghị HĐXX cân nhắc xem xét các nội dung này. Tại phiên toà bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới như có cha vợ và ông nội là liệt sỹ. Bản thân bị cáo hiện đã già yếu, có nhiều bệnh tật như các tài liệu tôi đã nộp cho Toà án, vợ chồng bị cáo là người trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ hiện đã 90 tuổi; tính nguy hiểm của bị cáo không còn. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án

treo để bị cáo có cơ hội ở bên ngoài xã hội có điều kiện chữa bệnh và chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ già.

- Luật sư Nguyễn Văn T6 bào chữa cho bị cáo Phạm Việt H cho rằng: Với vai trò là Giám đốc Công ty B bị cáo Phạm Việt H đã lãnh đạo Công ty được tặng Huân chương lao động, bằng khen của các cấp. Ngoài ra bị cáo cung cấp chứng minh bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt pháp luật. Bản thân bị cáo Phạm Việt H không phải là người có vai trò quyết định trong Công ty N. Mặc dù là giám đốc Công ty B nhưng lại là Công ty con của Công Nông nghiệp S1. Vì quan hệ cấp trên cấp dưới nên bị cáo phải chấp hành ý kiến của cấp trên, nhưng bị cáo không kiểm tra giám sát nên mới xảy ra vụ án. Bị cáo có hành vi thứ yếu, không có hành vi vụ lợi. Các bị cáo cùng một số cá nhân khác đã nộp tiền bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại. Tôi đánh giá mức nguy hiểm của cả hai bị cáo hiện nay là không còn. Bị cáo hiện chỉ sống với vợ, vợ chồng bị nhiều bệnh hiểm nghèo. Bản thân bị cáo H đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Tôi đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, cho rằng: Bị cáo Nguyễn Văn T1 ký Hợp đồng dịch vụ số 205 để Công ty Đ1 tư vấn cho Tổng Công ty N1 để đầu tư và khai thác cây sao su tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhưng không tổ chức đấu thầu rộng rãi là vi phạm và ký hợp đồng khi chưa có văn bản chấp thuận của Hội đồng thành viên là vi phạm luật đấu thầu và điều lệ Công ty. Khi được uỷ quyền thực hiện hợp đồng 205, bị cáo H không kiểm tra, không giao đơn vị nào giám sát. Khi có đề nghị tạm ứng của Dương Ngọc Đ đã không kiểm tra mà chấp thuận cho tạm ứng. Điều này là vi phạm quy của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước. Tuy nhiên, sau đó các bị cáo và một số cá nhân đã nộp tiền để bồi hoàn tiền tạm ứng với Công ty B. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên được Toà án cấp sơ thẩm xử phạt 03 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt thấp nhất của Điều luật. Bị cáo T1 là người giữ vai trò chính trong vụ án. Mức hình phạt Toà án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Các tình tiết giảm nhẹ mới không đủ căn cứ để xem xét giảm án hoặc cho hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1. Đối với bị cáo H là người phụ thuộc, phải chấp hành khi được uỷ quyền thực hiện hợp đồng. Hiện bị cáo đã già yếu, nhiều bệnh tật, chỉ sống với vợ cũng đã lớn tuổi. Bị cáo có xác nhận có nơi cư trú ổn định nên kháng cáo xin hưởng án treo là có cơ sở để xem xét. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Việt H cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội Thẩm nhân dân, Thư ký Toà án trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ, xét xử sơ thẩm vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện ở giai đoạn sơ thẩm là hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai các của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Tổng Công ty N1, là Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ký Hợp đồng dịch vụ số 205 ngày 03/10/2011, là hợp đồng dịch vụ tư vấn với giá trị hợp đồng là 60.000.000.000 đồng trong thực hiện Dự án trồng rừng và cây công nghiệp nhưng không tổ chức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu, không đánh giá năng lực của Công ty Đ1 là vi phạm quy định của Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11; ký hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng thành viên Tổng Công ty là vi phạm quy định tại khoản 13, 14, Điều 4 và khoản 1 Điều 18 Luật đấu thầu số 61/2005/QH11, vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty, không có hồ sơ khảo sát giá dịch vụ, không yêu cầu Công ty Đ1 cung cấp tài sản thế chấp hoặc chứng thư bảo lãnh, dẫn đến sau khi Dương Ngọc Đ nhận tạm ứng 12.000.000.000 đồng đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, không có khả năng thu hồi, gây thiệt hại tài sản của Công ty Bò sữa thành phố H.

[2.2] Phạm Việt H - Giám đốc Công ty Bò sữa thành phố H là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định quản lý tài chính Nhà nước. Tuy nhiên, khi tiếp nhận Hợp đồng dịch vụ số 205 và Giấy ủy quyền do Tổng Giám đốc Tổng Công ty N1 ký, Phạm Việt H đã không kiểm tra việc Ủy quyền có đúng quy định hay không; không kiểm tra hoặc chỉ đạo cấp dưới kiểm tra năng lực thực sự của Công ty Đ1 trong việc thực hiện hợp đồng; không giao đơn vị, cá nhân nào tiến hành kiểm tra, đơn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng. Đồng thời, Phạm Việt H cũng không báo cáo thông qua ý kiến của Hội đồng thành viên Công ty Bò Sữa thành phố H mà giao cho kế toán trưởng tham mưu việc chi tạm ứng theo đề nghị của Công ty Đ1, không yêu cầu Công ty Đ1 cung cấp tài sản thế chấp hoặc chứng thư bảo lãnh. Chính quyết định này đã

tạo điều kiện để Dương Ngọc Đ chiếm đoạt 12.000.000.000 đồng, không có khả năng thu hồi.

[2.3] Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Phạm Việt H đã bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt về tội: “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*” theo quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Phạm Việt H thì thấy:

[3.1] Xét tính chất của vụ án do các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, các bị cáo là lãnh đạo các Công ty, là những người có chức vụ, quyền hạn trong quản lý, sử dụng tài sản công tại doanh nghiệp; các bị cáo phải có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về chế độ quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước nhưng các bị cáo đưa ra quyết định không đúng, gây thất thoát, thiệt hại tài sản Nhà nước với giá trị lớn. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã thực hiện. Bị cáo Nguyễn Văn T1 là người quyết định việc không tổ chức đấu thầu, chưa có sự đồng ý của Hội đồng thành viên Tổng Công ty; Khi ký hợp đồng dịch vụ không kiểm tra năng lực của công ty Đ1 nên vai trò, trách nhiệm của bị cáo cao hơn. Bị cáo Phạm Việt H là người được uỷ quyền tiếp nhận hợp đồng dịch vụ nhưng đã không kiểm tra, không thông qua ý kiến Hội đồng thành viên mà giao bộ phận Kế toán tham mưu việc chi tạm ứng cho công ty Đ1. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã nộp số tiền khắc phục hậu quả lớn hơn nhiều hơn so với bị cáo Phạm Việt H nên được Toà án cấp sơ thẩm cân nhắc, áp dụng mức hình phạt dành cho hai bị cáo bằng nhau.

[3.2] Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã cân nhắc áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Theo bản án Hình sự đã xét xử đối với Dương Ngọc Đ thì Dương Ngọc Đ có nghĩa vụ bồi thường cho Tổng Công ty N1 số tiền 10 tỷ đồng + lãi, nhưng trước khi bị khởi tố, các bị cáo và các cá nhân có liên quan đã chủ động nộp lại số tiền 13.126.089.000 đồng để khắc phục toàn bộ thiệt hại. Trong đó: bị cáo Nguyễn Văn T1 nộp 05 tỷ đồng, Phạm Việt H nộp 1,5 tỷ đồng. Các bị cáo đều có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, cụ thể: Nguyễn Văn T1 được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ N2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, Ban, Ban Chấp hành Đảng bộ Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố H, Đảng bộ Tổng Công ty N1 tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen; Phạm Việt H được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, Giám đốc Công an thành phố H tặng nhiều Bằng khen. Các bị cáo đều đã nghỉ hưu, tuổi cao, hiện nay phải thường xuyên điều trị bệnh; trong quá trình điều tra các bị cáo tích cực hợp tác, thành khẩn khai báo. Đây là

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt nên Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù là phù hợp.

[3.3] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T1 nộp thêm các tài liệu mới thể hiện bị cáo có cha vợ và ông nội ruột là liệt sỹ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; hiện đang điều trị các bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh tim thiếu máu cục bộ, bệnh trào ngược dạ dày - thực quản, thoái hoá cột sống lưng, đã nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Việt H có nhiều bệnh lý đang điều trị như viêm gan virus B mạn đã bị xơ hoá gan có tổn thương thường xuyên phải tái khám để theo dõi chức năng gan và tầm soát ung thư; bệnh nang hai thận gây chèn ép ảnh hưởng chức năng thận và tăng sản tuyến tiền liệt; đã nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, có xác nhận thông tin về cư trú của cơ quan Công an và hiện nay bị cáo chỉ sống với vợ hiện cũng già yếu.

Xét bị cáo T1 là người giữ vai trò chính trong vụ án. Mức hình phạt Toà án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Các tình tiết giảm nhẹ mới không đủ điều kiện để xem xét giảm án, cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 và giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo H là người phụ thuộc, phải chấp hành khi được cấp trên uỷ quyền thực hiện hợp đồng. Hiện bị cáo đã già yếu, mắc nhiều bệnh nặng, chỉ sống với vợ cũng đã lớn tuổi. Bị cáo có xác nhận có nơi cư trú ổn định. Nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là có cơ sở để xem xét. Do đó HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Việt H và cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Việt H được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo T1.

1.2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Việt H, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo H.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 03 (Ba) năm tù về tội: “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Việt H.

Xử phạt bị cáo Phạm Việt H 03 (Ba) năm tù về tội: “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Việt H cho Ủy ban nhân dân phường T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường phường T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.
- Bị cáo Phạm Việt H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- CQ THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Tân Sơn Nhì, TPHCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng